ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 121 /2026/QĐ-UBND	*Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định khoán chi trong thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách thành phố Hà Nội

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số chính sách thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển giao công nghệ của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 58/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định chính sách phát triển khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 6645/TTr-SKHCN ngày 20 tháng 8 năm 2026 về việc ban hành Quyết định quy định khoán chi trong thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách thành phố Hà Nội;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định khoán chi trong thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách thành phố Hà Nội.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định nguyên tắc, điều kiện, phương thức thực hiện khoán chi; quản lý, sử dụng, điều chỉnh, thanh toán, quyết toán kinh phí; quyền,

trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và công tác kiểm tra, giám sát, quản trị rủi ro đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách thành phố Hà Nội.

2. Quy định này áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo Thành phố, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở; nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khác có sử dụng ngân sách Thành phố.

3. Đối với nhiệm vụ có nguồn vốn hỗn hợp, phần kinh phí từ ngân sách Thành phố thực hiện theo Quy định này, phần kinh phí đối ứng, tài trợ thực hiện theo thỏa thuận tại hợp đồng và quy định pháp luật liên quan, bảo đảm không trùng lặp nội dung chi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đặt hàng, giao nhiệm vụ và quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của thành phố Hà Nội.

2. Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách Thành phố.

3. Cơ quan kiểm soát chi (Kho bạc Nhà nước); Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của thành phố Hà Nội; các chuyên gia, hội đồng tư vấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy định tại Quy định này bao gồm: nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhiệm vụ đổi mới sáng tạo sử dụng toàn bộ hoặc một phần ngân sách thành phố Hà Nội.

2. Khoán chi: Là phương thức giao quyền tự chủ tài chính cho tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ trên cơ sở định mức, dự toán và chỉ tiêu chất lượng sản phẩm đầu ra được phê duyệt, không yêu cầu kiểm soát chứng từ chi tiết đối với phần kinh phí được khoán khi thanh toán, quyết toán.

3. Kinh phí khoán chi chưa sử dụng hết (kinh phí khoán còn dư): Là phần chênh lệch dương giữa tổng kinh phí khoán chi được giao theo hợp đồng và số kinh phí thực tế tổ chức chủ trì đã chi để hoàn thành nhiệm vụ sau khi được đánh giá, nghiệm thu đạt yêu cầu.

Điều 4. Nguyên tắc khoán chi

1. Gắn quyền tự chủ tài chính với kết quả đầu ra: Lấy kết quả thực hiện, sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng đã cam kết làm căn cứ để thanh toán và quyết toán.

2. Đảm bảo tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và quản trị rủi ro của tổ chức chủ trì trong suốt quá trình sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Tuyệt đối nghiêm cấm việc lập dự toán, thanh toán hoặc quyết toán trùng lặp giữa nguồn ngân sách Thành phố với các nguồn kinh phí khác cho cùng một nội dung chi, cùng một khối lượng công việc.

4. Không áp dụng khoán chi đối với các khoản chi đầu tư xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn tài sản cố định hoặc mua sắm trang thiết bị quy mô lớn, trừ trường hợp được phê duyệt cụ thể trong thuyết minh nhiệm vụ.

Chương II
PHƯƠNG THỨC, ĐIỀU KIỆN VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG KHOÁN CHI

Điều 5. Các phương thức khoán chi

1. Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng: Áp dụng đối với các nhiệm vụ có mục tiêu, sản phẩm, chỉ tiêu chất lượng, phương pháp đánh giá rõ ràng và có khả năng định lượng, nghiệm thu trực tiếp dựa trên sản phẩm đầu ra cuối cùng.

2. Khoán chi từng phần theo nội dung nghiên cứu: Áp dụng đối với các nhiệm vụ có một số nội dung nghiên cứu thử nghiệm, có độ rủi ro cao hoặc chưa đủ điều kiện để áp dụng khoán chi đến sản phẩm cuối cùng. Các phần không khoán chi quản lý theo phương thức chứng từ thực tế.

Điều 6. Điều kiện áp dụng khoán chi

1. Nhiệm vụ phải có thuyết minh chi tiết xác định rõ mục tiêu, nội dung, sản phẩm, chỉ tiêu chất lượng, tiến độ thực hiện và địa chỉ ứng dụng hoặc phương án khai thác kết quả cụ thể.

2. Dự toán kinh phí được phê duyệt phải được lập dựa trên định mức quy định tại Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND và các quy định khác có liên quan, có ý kiến thẩm định chuyên môn của Tổ thẩm định tài chính hoặc Hội đồng tư vấn.

Chương III
LẬP, THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT MỨC KHOÁN

Điều 7. Căn cứ xác định mức khoán chi

1. Mức khoán được xác định dựa trên khối lượng công việc chuyên môn, sản

phẩm, tính chất đặc thù của loại hình nhiệm vụ, định mức chi quy định tại Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND và các quy định khác có liên quan. Khi lập dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tổ chức, cá nhân chủ trì được quyền đề xuất mức chi thấp hơn mức quy định.

2. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Thành phố tùy theo chất lượng, khối lượng sản phẩm đầu ra, mức khoán chi được áp dụng hệ số k quy định chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này. Các nội dung chi được áp dụng nhân hệ số k bao gồm:

a) Thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ: thù lao chủ nhiệm nhiệm vụ, thù lao thư ký khoa học, thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh;

b) Chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học (bao gồm: họp tự đánh giá kết quả thực hiện và hỗ trợ công tác phí cho một số chuyên gia được mời tham gia);

c) Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu;

d) Chi khác (bao gồm: văn phòng phẩm, in ấn, photo, công tác phí trong nước).

Điều 8. Phê duyệt nhiệm vụ và hợp đồng thực hiện nhiệm vụ

1. Quyết định phê duyệt nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền phải xác định cụ thể phương thức khoán chi và tổng kinh phí giao khoán.

2. Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ phải cụ thể hóa phương thức khoán chi, thời điểm cấp kinh phí, điều kiện thanh toán, hồ sơ đánh giá cuối kỳ, phương thức xử lý trường hợp không hoàn thành, hoàn thành một phần hoặc phải điều chỉnh nhiệm vụ, quyền lợi và nghĩa vụ, trách nhiệm cụ thể của các bên có liên quan.

Chương IV
CẤP PHÁT, THANH TOÁN, QUYẾT TOÁN KINH PHÍ KHOÁN

Điều 9. Cơ chế cấp phát, tạm ứng kinh phí

1. Cơ quan quản lý nhiệm vụ phối hợp với Kho bạc Nhà nước thực hiện tạm ứng kinh phí cho tổ chức chủ trì theo tiến độ quy định tại hợp đồng, tối thiểu đạt 50% tổng kinh phí nhiệm vụ ngay sau khi ký hợp đồng (đối với phần kinh phí thuộc diện khoán chi).

2. Hồ sơ tạm ứng gồm: Văn bản đề nghị tạm ứng, quyết định phê duyệt, dự toán và hợp đồng thực hiện nhiệm vụ; Biên bản đánh giá trong kỳ nhiệm vụ (nếu có).

Điều 10. Thanh toán, quyết toán kinh phí khoán

1. Thanh toán kinh phí khoán theo tiến độ:

a) Cơ quan quản lý nhiệm vụ và Kho bạc Nhà nước thanh toán căn cứ trực tiếp vào Biên bản đánh giá trong kỳ đạt yêu cầu của Hội đồng tư vấn; kết quả, sản phẩm đạt được theo tiến độ;

b) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ lập Bảng tổng hợp kinh phí đề nghị thanh toán. Cơ quan quản lý nhiệm vụ, cơ quan tài chính và Kho bạc Nhà nước không yêu cầu tổ chức chủ trì phải nộp hoặc xuất trình chứng từ, hóa đơn chi tiết đối với các khoản chi thuộc phạm vi khoán chi của nhiệm vụ.

2. Quyết toán kinh phí khoán:

a) Trường hợp nhiệm vụ được đánh giá cuối kỳ đạt yêu cầu với đầy đủ kết quả, sản phẩm theo chỉ tiêu chất lượng đã cam kết trong thuyết minh, tổ chức chủ trì nhiệm vụ lập Bảng tổng hợp kinh phí đề nghị quyết toán;

b) Cơ quan quản lý, cơ quan tài chính và Kho bạc Nhà nước không yêu cầu tổ chức chủ trì phải nộp hoặc xuất trình chứng từ, hóa đơn chi tiết đối với các khoản chi thuộc phạm vi khoán chi của nhiệm vụ;

c) Trường hợp nhiệm vụ dừng thực hiện, nhiệm vụ đến hết thời gian quy định của hợp đồng chưa đạt kết quả cuối cùng mà không được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời hạn thì trước khi quyết toán phải thực hiện thủ tục xử lý tài chính đối với nhiệm vụ không đạt kết quả.

Điều 11. Xử lý kinh phí khoán chi chưa sử dụng hết

1. Quy định về không thu hồi: Khi nhiệm vụ được đánh giá cuối kỳ đạt yêu cầu với đầy đủ kết quả, sản phẩm theo chỉ tiêu chất lượng đã cam kết trong thuyết minh và hợp đồng, phần kinh phí khoán chi chưa sử dụng hết sẽ không bị thu hồi về ngân sách Thành phố.

2. Quyền quyết định sử dụng: Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có toàn quyền quyết định việc sử dụng phần kinh phí khoán chi còn dư này cho các mục đích sau:

a) Chi cho các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của đơn vị;

b) Chi khen thưởng cho chủ nhiệm nhiệm vụ và các thành viên tham gia trực tiếp thực hiện nhiệm vụ.

3. Việc phân bổ, sử dụng phần kinh phí này phải tuân thủ Quy chế chi tiêu nội bộ của tổ chức chủ trì, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, dân chủ

trong đơn vị và có báo cáo tổng hợp gửi Sở Khoa học và Công nghệ để theo dõi.

Điều 12. Xử lý tài chính đối với nhiệm vụ không đạt kết quả

1. Cơ quan quản lý nhiệm vụ thành lập Hội đồng tư vấn để xem xét đối với các nhiệm vụ không đạt đầy đủ kết quả, sản phẩm theo thuyết minh; đánh giá nguyên nhân, xác định tỷ lệ khối lượng công việc đã thực hiện hợp pháp và kiến nghị phương án xử lý tài chính, làm căn cứ để cơ quan quản lý nhiệm vụ xem xét, quyết định việc miễn hoàn trả một phần hoặc toàn bộ kinh phí khoán chi đã sử dụng.

2. Trong trường hợp đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, quy trình thực hiện, nội dung nghiên cứu và biện pháp phòng ngừa rủi ro nhưng kết quả của nhiệm vụ không đạt được mục tiêu đề ra, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không phải hoàn trả lại ngân sách nhà nước số kinh phí đã sử dụng đúng mục tiêu, phạm vi được nêu tại thuyết minh nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trừ các khoản kinh phí sau:

a) Kinh phí đã cấp cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại tài khoản tiền gửi ở Kho bạc Nhà nước của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ mà chưa sử dụng sau khi trừ đi số nợ phải trả của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ. Số nợ phải trả của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ là số tiền tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ phải thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ, công lao động đã thực hiện mà chưa được thanh toán;

b) Kinh phí tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã tạm ứng cho các tổ chức, cá nhân có liên quan để triển khai thực hiện nội dung nghiên cứu hoặc cung ứng hàng hóa, dịch vụ nhưng chưa thực hiện. Kinh phí này được xác định tương ứng với phần công việc, hàng hóa, dịch vụ chưa thực hiện;

c) Kinh phí đã sử dụng không đúng mục tiêu, phạm vi, nội dung nghiên cứu được nêu tại thuyết minh nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Chương V
KIỂM TRA, GIÁM SÁT, CÔNG KHAI VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

Điều 13. Công tác kiểm tra, giám sát

1. Cơ quan quản lý nhiệm vụ thực hiện kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện nhiệm vụ, tiến độ tạo sản phẩm, tình hình sử dụng kinh phí, việc tuân thủ hợp đồng, quy định chuyên môn, đạo đức nghiên cứu, an toàn dữ liệu, sở hữu trí tuệ và các yêu cầu quản lý khác.

2. Việc kiểm tra, giám sát đối với nội dung khoán tập trung vào chất lượng sản phẩm đầu ra; không lấy việc đối chiếu chi tiết từng khoản chi, hóa đơn, chứng từ đầu vào để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

3. Tổ chức chủ trì chịu trách nhiệm tự kiểm soát hệ thống hạch toán nội bộ, lưu trữ toàn bộ hóa đơn, chứng từ phát sinh của nhiệm vụ tại đơn vị theo thời hạn quy định của pháp luật về lưu trữ, kế toán và khoa học, công nghệ để phục vụ công tác thanh tra, kiểm toán khi có yêu cầu.

Điều 14. Công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình

1. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm công khai tại đơn vị các thông tin cơ bản về nhiệm vụ: tên nhiệm vụ, chủ nhiệm, tổng kinh phí, phương thức khoán chi và kết quả sử dụng phần kinh phí khoán chi còn dư (nếu có) để cán bộ, viên chức giám sát, trừ nhiệm vụ thuộc bí mật nhà nước.

2. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm giải trình về căn cứ lập dự toán, cơ cấu phân bổ kinh phí, tình hình sử dụng kinh phí khoán, sản phẩm đạt được, kinh phí còn dư, kinh phí phải hoàn trả, quyền sở hữu trí tuệ, tài sản hình thành và nghĩa vụ sau đánh giá cuối kỳ.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm các cơ quan quản lý

1. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Chủ trì hướng dẫn tổ chức thực hiện Quy định này; phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra định kỳ việc thực hiện Quy định;

b) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực I và các cơ quan liên quan hướng dẫn nghiệp vụ lập, thẩm định, phê duyệt, cấp phát, thanh toán, quyết toán kinh phí khoán; giải quyết vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện;

2. Kho bạc Nhà nước khu vực I: Chỉ đạo Kho bạc các cấp thực hiện kiểm soát chi, tạm ứng, thanh toán và quyết toán kinh phí khoán đúng theo nguyên tắc đơn giản hóa thủ tục tại Điều 10 Quy định này.

3. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan quản lý nhiệm vụ:

a) Tổ chức thực hiện Quy định này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền; ban hành hoặc tham mưu ban hành quy định chi tiết đối với nhiệm vụ thuộc thẩm quyền quản lý nếu cần thiết nhưng không trái Quy định này;

b) Bảo đảm bố trí, sử dụng kinh phí nhiệm vụ đúng mục tiêu, đúng đối tượng; tổ chức lựa chọn, giao nhiệm vụ, ký hợp đồng, kiểm tra, đánh giá, quyết toán, công khai kết quả theo quy định;

c) Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ và tổ chức, cá nhân tham gia

1. Chủ nhiệm nhiệm vụ:

a) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo mục tiêu, nội dung, tiến độ, sản phẩm, chỉ tiêu chất lượng, dự toán và phương thức khoán chi đã được phê duyệt; kịp thời báo cáo khó khăn, vướng mắc, rủi ro phát sinh;

b) Chủ trì xây dựng dự toán chi tiết đối với nhiệm vụ được giao chủ nhiệm.

2. Tổ chức chủ trì:

a) Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó quy định các nội dung về phân bổ kinh phí, chi trả thù lao, quản lý kinh phí khoán còn dư, khen thưởng, xử lý vi phạm, lưu trữ hồ sơ, quản trị xung đột lợi ích và trách nhiệm giải trình;

b) Phê duyệt dự toán chi tiết đối với nhiệm vụ được giao chủ trì.

3. Đối với nhiệm vụ có nhiều tổ chức phối hợp, tổ chức chủ trì có trách nhiệm phân bổ kinh phí khoán cho từng đơn vị phối hợp theo nội dung, sản phẩm, tiến độ đã được phê duyệt và chịu trách nhiệm tổng hợp, giải trình với cơ quan quản lý nhiệm vụ.

Điều 17. Quy định chuyển tiếp

1. Nhiệm vụ đã được phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt, hợp đồng đã ký và quy định tại thời điểm phê duyệt, trừ trường hợp tổ chức chủ trì đề nghị áp dụng Quy định này và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.

2. Nhiệm vụ chưa được phê duyệt thì tiến hành cập nhật, rà soát để áp dụng phương thức khoán chi theo Quy định này.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 18. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực I, Giám đốc Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 18;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND Thành phố;
- Văn phòng Thành ủy; Đoàn ĐBQH&HĐNDTP;
- VPUB: CVP, các PCVP,
  các phòng, ban, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, ĐMPT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Trương Việt Dũng

Phụ lục

ĐỊNH MỨC ÁP DỤNG HỆ SỐ K ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ

(*Kèm theo Quyết định số 121 /2026/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội*)

TT	Hệ số k	Loại hình nhiệm vụ	Yêu cầu đối với kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ
1.	k = 1	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ không phải nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô	1. Kết quả, sản phẩm phải đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đối với kết quả, sản phẩm đề xuất. 2. Không yêu cầu bắt buộc đối với sản phẩm về công bố quốc tế trên tạp chí quốc tế uy tín; số lượng sáng chế; số lượng bí quyết công nghệ; số lượng giải pháp phát triển xã hội mới được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận triển khai trong thời gian thực hiện nhiệm vụ.
2.	k = 1,5	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ không phải nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô	1. Kết quả, sản phẩm phải đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đối với kết quả, sản phẩm đề xuất. 2. Có tối thiểu 01 trong các sản phẩm sau: công bố quốc tế trên tạp chí thuộc nhóm Q2 trở lên (xếp hạng tạp chí theo cơ sở dữ liệu Scopus/Web of Science hoặc tương đương) hoặc tại hội thảo quốc tế xếp hạng A trở lên (theo xếp hạng hội nghị khoa học danh mục CORE hoặc danh mục tương đương); hoặc bằng độc quyền sáng chế hoặc bằng bảo hộ giống cây trồng (được cấp hoặc được chấp nhận đơn hợp lệ); hoặc bí quyết công nghệ, hoặc sản phẩm có thể ứng dụng ngay hoặc thương mại hóa; hoặc chính sách cụ thể, khả thi, hoặc giải pháp tổ chức thực thi pháp luật mới, có tính tiên phong trong giải quyết các vấn đề mang tính đặc thù của Thành phố, phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của Thủ đô, được cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị - xã hội thuộc Thành phố hoặc Trung ương chấp nhận áp dụng thử nghiệm.
3.	k = 2; 3; 4 hoặc 5	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô	1. Kết quả, sản phẩm phải đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đối với kết quả, sản phẩm đề xuất. 2. Có ít nhất k (với k = 2, 3, 4 hoặc 5) sản phẩm thuộc các loại hình sau: bài báo quốc tế đăng trên tạp chí thuộc nhóm

TT	Hệ số k	Loại hình nhiệm vụ	Yêu cầu đối với kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ
			Q2 trở lên (xếp hạng tạp chí theo cơ sở dữ liệu Scopus/Web of Science hoặc tương đương), hoặc tại hội thảo quốc tế xếp hạng A trở lên (theo xếp hạng hội nghị khoa học danh mục CORE hoặc danh mục tương đương); hoặc bằng độc quyền sáng chế hoặc bằng bảo hộ giống cây trồng (được cấp hoặc được chấp nhận đơn hợp lệ); hoặc bí quyết công nghệ, hoặc sản phẩm có thể ứng dụng ngay hoặc thương mại hóa; hoặc chính sách cụ thể, khả thi hoặc giải pháp tổ chức thực thi pháp luật mới, có tính tiên phong trong giải quyết các vấn đề mang tính đặc thù của thành phố Hà Nội, phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của Thủ đô, được cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị - xã hội thuộc thành phố Hà Nội hoặc Trung ương chấp nhận áp dụng thử nghiệm.
4.	k > 5	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô	1. Kết quả, sản phẩm phải đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đối với kết quả, sản phẩm đề xuất. 2. Có nhiều hơn 05 sản phẩm thuộc các loại hình sau: bài báo quốc tế đăng trên tạp chí thuộc nhóm Q2 trở lên (xếp hạng tạp chí theo cơ sở dữ liệu Scopus/Web of Science hoặc tương đương), hoặc tại hội thảo quốc tế xếp hạng A trở lên (theo xếp hạng hội nghị khoa học danh mục CORE hoặc danh mục tương đương); hoặc bằng độc quyền sáng chế hoặc bằng bảo hộ giống cây trồng (được cấp hoặc được chấp nhận đơn hợp lệ); hoặc bí quyết công nghệ, hoặc sản phẩm có thể ứng dụng ngay hoặc thương mại hóa; hoặc chính sách cụ thể, khả thi hoặc giải pháp tổ chức thực thi pháp luật mới, có tính tiên phong trong giải quyết các vấn đề mang tính đặc thù của thành phố Hà Nội, phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của Thủ đô, được cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị - xã hội thuộc thành phố Hà Nội hoặc Trung ương chấp nhận áp dụng thử nghiệm. Sản phẩm của nhiệm vụ có tối thiểu 02 loại trong số các sản phẩm sau: (1) Bài báo quốc tế đăng trên tạp chí thuộc nhóm **Q1** (xếp hạng tạp chí theo cơ sở dữ liệu Scopus/Web of Science hoặc tương đương), hoặc tại hội thảo quốc tế xếp hạng **A*** (theo

TT	Hệ số k	Loại hình nhiệm vụ	Yêu cầu đối với kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ
			xếp hạng hội nghị khoa học danh mục CORE hoặc danh mục tương đương); (2) Bằng độc quyền sáng chế hoặc bằng bảo hộ giống cây trồng được cấp; (3) Bí quyết công nghệ, hoặc sản phẩm được ứng dụng phục vụ hiệu quả trong cộng đồng, trong cơ quan nhà nước hoặc được thương mại hóa; (4) Chính sách cụ thể, khả thi hoặc giải pháp tổ chức thực thi pháp luật mới, có tính tiên phong trong giải quyết các vấn đề mang tính đặc thù của Thành phố, phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của Thủ đô, được cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị - xã hội thuộc Thành phố hoặc Trung ương chấp nhận áp dụng thử nghiệm. Kết quả thử nghiệm chính sách, giải pháp phải thể hiện hiệu quả cải thiện đáng kể so với thời điểm trước khi thử nghiệm chính sách, giải pháp đối với nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, phát triển giải pháp xã hội.